

Hải Phòng, ngày 01 tháng 10 năm 2019

GIẤY ỦY QUYỀN

(Số: 25/TASA-UQ)

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;

- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;

- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty,

Người uỷ quyền: Ông Đào Việt Anh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 012348941 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/02/2014.

Người được uỷ quyền: Ông Phan Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 030800017 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2008.

Nội dung uỷ quyền:

1. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ông Đào Việt Anh uỷ quyền cho Ông Phan Thanh Bình ký các loại Báo cáo tài chính và các văn bản giải trình liên quan đến các loại Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Người uỷ quyền, Công ty và trước pháp luật về công việc được uỷ quyền.
3. Thời hạn uỷ quyền: Việc uỷ quyền này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký giấy uỷ quyền.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

NGƯỜI ỦY QUYỀN



Đào Việt Anh
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Đào Việt Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Tháng 08 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thái Cường	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Tuấn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Tạ Minh Nguyên	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Huế	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Việt Anh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính giữa niên độ riêng và hợp nhất năm 2020 theo Giấy ủy quyền số 25/TASA-UQ ngày 01 tháng 10 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Số: 282 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2020, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.939.818.449	73.758.924.111
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.591.944.701	11.162.131.062
1. Tiền	111		6.591.944.701	5.162.131.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		48.000.000.000	45.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	48.000.000.000	45.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.222.111.727	17.566.084.418
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.611.354.641	1.363.014.519
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.453.370	20.003.370
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	16.592.303.716	16.183.066.529
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		125.762.021	30.708.631
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	125.762.021	30.708.631
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		177.327.427.329	177.890.803.996
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.515.000.000	15.205.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	11.500.000.000	15.200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	15.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.174.784.963	1.266.600.119
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.174.784.963	1.266.600.119
- Nguyên giá	222		9.328.713.864	9.328.713.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.153.928.901)	(8.062.113.745)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	164.508.205.083	161.310.361.240
1. Đầu tư vào công ty con	251		166.146.120.074	163.036.120.074
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.637.914.991)	(1.725.758.834)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		129.437.283	108.842.637
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	129.437.283	108.842.637
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		256.267.245.778	251.649.728.107

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.511.646.928	8.322.326.339
I. Nợ ngắn hạn	310		4.508.646.928	8.319.326.339
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.552.924.056	1.922.738.683
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		49.355	61.896.168
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	445.446.275	346.820.886
4. Phải trả người lao động	314		192.661.200	175.672.250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		413.974.200	827.652.600
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.519.241.075	4.955.978.118
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		384.350.767	28.567.634
II. Nợ dài hạn	330		3.000.000	3.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	3.000.000	3.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		251.755.598.850	243.327.401.768
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	251.755.598.850	243.327.401.768
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.110.000.000	187.110.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.772.359.500	9.772.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		(22.095.490.500)	(22.095.490.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		875.146.852	825.550.013
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		358.532.185	70.539.052
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.735.050.813	67.644.443.703
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		67.326.236.621	50.585.345.348
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.408.814.192	17.059.098.355
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		256.267.245.778	251.649.728.107



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2020



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	13.030.672.434	10.049.346.477
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		13.030.672.434	10.049.346.477
4. Giá vốn hàng bán	11	17	10.612.693.779	8.798.504.804
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.417.978.655	1.250.841.673
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	8.739.653.354	9.248.164.350
7. Chi phí tài chính	22	20	(84.745.128)	(168.073.042)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	16.555.556
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	2.377.747.694	2.079.568.290
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - 26}	30		8.864.629.443	8.587.510.775
10. Chi phí khác	32		-	14.025.175
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		-	(14.025.175)
12. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.864.629.443	8.573.485.600
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	455.815.251	260.124.205
14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		8.408.814.192	8.313.361.395

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.864.629.443	8.573.485.600
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	91.815.156	289.629.076
- Các khoản dự phòng	03	(87.843.843)	(184.628.598)
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.098.715	(680.696)
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.737.016.056)	(9.558.907.313)
- Chi phí lãi vay	06	-	16.555.556
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	134.683.415	(864.546.375)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.987.451.611)	(2.169.716.562)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.083.726.817)	3.116.931.233
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(115.648.036)	15.527.121
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(83.666.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(311.813.935)	(316.163.751)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(201.054.000)	(913.381.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.565.010.984)	(1.215.016.001)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	(2.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.700.000.000	8.200.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.110.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.407.923.338	9.791.929.203
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.997.923.338	15.991.929.203
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(6.413.155.710)
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(4.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(13.325.188.914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(23.738.344.624)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.432.912.354	(8.961.431.422)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.162.131.062	65.421.409.557
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.098.715)	680.696
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	12.591.944.701	56.460.658.831

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 05 năm 2018.

Công ty có trụ sở tại: Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 187.110.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 11 người).

Hoạt động kinh doanh chính: Thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê container;
- Cho thuê xe có động cơ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tên công ty/chỉ nhánh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	99,947%	99,947%
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,68%	99,68%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,00%	99,00%
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,35%	99,35%
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	TP. Hải Phòng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Fujjiaire Malaysia Việt Nam	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Chi nhánh HCM	TP. Hồ Chí Minh		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u>
	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	09 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ: Công ty sở hữu 100,00% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,35% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Container Minh Thành: Công ty sở hữu 99,947% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,00% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,68% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội: Công ty sở hữu 100,00% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải: Công ty sở hữu 100,00% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam: Công ty sở hữu 51,00% vốn điều lệ;
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	1.880.230.632	2.266.140.072
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.711.714.069	2.895.990.990
Các khoản tương đương tiền (i)	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	12.591.944.701	11.162.131.062

Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	48.000.000.000	48.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	48.000.000.000	48.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000

Ghi chú: (i) Là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.611.354.641	1.363.014.519
Công ty TNHH Hapag Lloyd Việt Nam	296.773.400	408.936.330
Công ty TNHH TJP Vina	285.712.306	200.279.823
Công ty TNHH KSA Polymer Hà Nội	248.862.851	184.652.761
Các đối tượng khác	780.006.084	569.145.605
Trong đó: Phải thu là các bên liên quan	90.174.262	186.280.267
(Chi tiết tại thuyết minh 25)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	16.592.303.716	-	16.183.066.529	-
Tạm ứng	2.218.987.500	-	1.306.781.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.305.958.906	-	1.228.000.000	-
Phải thu lãi vay ngắn hạn - Bên liên quan	86.553.425	-	170.991.780	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	15.945.206	-	16.416.438	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	70.608.219	-	154.575.342	-
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia - Bên liên quan	5.376.884.885	-	11.691.829.738	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.739.538.525	-	3.616.092.055	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.388.899.233	-	6.130.412.592	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	958.621.965	-	1.911.436.125	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	289.825.162	-	33.888.966	-
Các khoản phải thu khác	7.603.919.000	-	1.785.464.011	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải - Bên liên quan	7.532.960.000	-	1.707.904.000	-
Các khoản phải thu khác	70.959.000	-	77.560.011	-
b) Dài hạn	15.000.000	-	5.000.000	-
Tạm ứng	10.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
Ngắn hạn	125.762.021		30.708.631	
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-		4.704.545	
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	125.762.021		26.004.086	
Dài hạn	129.437.283		108.842.637	
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	6.944.792		17.510.670	
- Thiết bị văn phòng và sửa xe	122.492.491		91.331.967	

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan	11.500.000.000	11.500.000.000	15.200.000.000	15.200.000.000
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải (i)	4.800.000.000	4.800.000.000	5.300.000.000	5.300.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành (ii)	6.700.000.000	6.700.000.000	9.900.000.000	9.900.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản phải thu về cho vay theo hợp đồng cho vay số 03/HDCV/2017 ngày 30/12/2017 số tiền là 4.500.000.000 VND, phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHDVV/2017 ngày 01/07/2017 số tiền là 2.472.000.000 VND, phụ lục hợp đồng vay vốn số 04/PLHDVV/2018 ngày 31/12/2018 về việc gia hạn thời hạn vay đến ngày 31/12/2021. Lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để sản xuất kinh doanh.
- (ii) Khoản phải thu về cho vay theo hợp đồng cho vay số 02/HDVV/2017 ngày 01/01/2017 số tiền là 22.000.000.000 VND và phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHDVV/2018 ngày 30/03/2018 về việc gia hạn thời hạn vay đến ngày 31/12/2021. Lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh, sửa chữa nâng cấp, cải tạo nền bãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị quản lý</u>	<u>Cộng</u>
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	31.348.182	9.253.638.408	43.727.274	9.328.713.864
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>31.348.182</u>	<u>9.253.638.408</u>	<u>43.727.274</u>	<u>9.328.713.864</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	31.348.182	7.987.038.289	43.727.274	8.062.113.745
Khấu hao trong kỳ	-	91.815.156	-	91.815.156
Số cuối kỳ	<u>31.348.182</u>	<u>8.078.853.445</u>	<u>43.727.274</u>	<u>8.153.928.901</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu kỳ	<u>-</u>	<u>1.266.600.119</u>	<u>-</u>	<u>1.266.600.119</u>
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>1.174.784.963</u>	<u>-</u>	<u>1.174.784.963</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 7.492.410.773 VND (Tại ngày 31/12/2019 là 75.075.456 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con	166.146.120.074	(1.637.914.991)	-	163.036.120.074	(1.725.758.834)	-
Công ty TNHH Container Minh Thành (ii)	60.990.000.000	(105.192.153)	(i)	60.990.000.000	(164.424.148)	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45.655.576.172	-	(i)	45.655.576.172	-	(i)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	32.867.444.563	-	(i)	32.867.444.563	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	14.503.099.339	-	(i)	14.503.099.339	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	6.500.000.000	-	(i)	6.500.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (ii)	2.520.000.000	(1.531.720.649)	(i)	2.520.000.000	(1.561.334.686)	(i)
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải (ii)	50.000.000	(1.002.189)	(i)	-	-	(i)
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	3.060.000.000	-	(i)	-	-	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá, tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Thông tin chi tiết về công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30/06/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ Hoạt động chính	
			quyền biểu quyết	
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	99,947%	99,947%	Kinh doanh kho bãi
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,68%	99,68%	Kinh doanh kho bãi
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,00%	99,00%	Kinh doanh kho bãi và thương mại
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,35%	99,35%	Kinh doanh vận tải
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100,00%	100,00%	Kinh doanh vận tải
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Thương mại
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	TP. Hải Phòng	100,00%	100,00%	Thương mại
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Công ty con là Công ty TNHH Container Minh Thành (“Minh Thành”): Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận sau thuế khoảng 59 triệu đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty có cho Minh Thành vay khoảng 6,7 tỷ đồng, doanh thu lãi tiền vay phát sinh khoảng 156 triệu đồng.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải (“Tasaco”): Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận sau thuế khoảng 661 triệu đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty có cho Tasaco thuê xe nâng, nâng hạ với doanh thu phát sinh khoảng 224 triệu đồng.

Công ty con là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (“Trading”): Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận sau thuế khoảng 300 triệu đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty có thực hiện thuê văn phòng và sử dụng dịch vụ nâng hạ và vệ sinh container của Trading với tổng giá trị khoảng 3,5 tỷ đồng.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải (“Đường bộ Duyên Hải”): Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận sau thuế khoảng 1,8 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty có cho Đường bộ Duyên Hải vay khoảng 4,8 tỷ đồng, doanh thu lãi tiền vay phát sinh khoảng 104 triệu đồng.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ (“Duyên Hải Phú Thọ”): Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận sau thuế khoảng 4,2 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty phát sinh doanh thu thương mại khác đối với Duyên Hải Phú Thọ với tổng phát sinh khoảng 24 triệu đồng.

Công ty con là Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (“Duyên Hải Hà Nội”): Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020 phát sinh ít, lãi khoảng 29 triệu đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty phát sinh doanh thu thương mại khác với Duyên Hải Hà Nội là tiền quản lý khoảng 17 triệu đồng.

Công ty con là Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải (“Tasa Tech”): Mới thành lập kể từ ngày 24/04/2020, hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020 hầu như chưa có phát sinh.

Công ty con là Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam (“Fujiaire Malay”): Được Công ty đầu tư mua lại vào ngày 16/06/2020. Fujiaire Malay được thành lập vào ngày 15/11/2019 hoạt động kinh doanh đến nay phát sinh ít, trong 6 tháng đầu năm 2020, Fujiaire Malay phát sinh doanh thu thương mại khác với Duyên Hải Hà Nội là tiền bán điều hòa khoảng 7 triệu đồng.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	1.552.924.056	1.552.924.056	1.922.738.683	1.922.738.683
Công ty TNHH Đại lý vận tải EVERGREEN (Việt Nam)	60.606.450	60.606.450	92.892.450	92.892.450
Công ty TNHH Tiếp Vận và Vận tải Đại Dương Xanh	137.411.000	137.411.000	156.074.750	156.074.750
Các đối tượng khác	1.354.906.606	1.354.906.606	1.673.771.483	1.673.771.483
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	1.187.897.206	1.187.897.206	1.551.462.583	1.551.462.583
(Chi tiết tại thuyết minh số 25)				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	98.738.276	443.528.721	470.114.678	72.152.319
Thuế thu nhập doanh nghiệp	211.813.935	455.815.251	311.813.935	355.815.251
Thuế thu nhập cá nhân	36.268.675	56.075.515	74.865.485	17.478.705
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	346.820.886	958.419.487	859.794.098	445.446.275

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngắn hạn	1.519.241.075	4.955.978.118
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	557.142.165	520.989.600
Các khoản phải trả phải nộp khác - Bên liên quan	962.098.910	4.434.988.518
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	3.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên hải Hà Nội	600.000.000	810.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại các công ty con	349.482.980	612.372.588
- Các đối tượng khác	12.615.930	12.615.930
Dài hạn	3.000.000	3.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.000.000	3.000.000
Cộng	1.522.241.075	4.958.978.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	187.110.000.000	9.772.359.500	(15.682.334.790)	794.026.037	259.392.390	72.657.155.790	254.910.598.927
Tăng vốn trong năm	-	-	(6.413.155.710)	-	-	-	(6.413.155.710)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	17.059.098.355	17.059.098.355
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	31.523.976	31.523.976	(21.870.717.442)	(21.807.669.490)
Tăng quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	375.405.686	-	375.405.686
Chi Quỹ và chi khác	-	-	-	-	(595.783.000)	(201.093.000)	(796.876.000)
Số dư đầu kỳ	187.110.000.000	9.772.359.500	(22.095.490.500)	825.550.013	70.539.052	67.644.443.703	243.327.401.768
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	8.408.814.192	8.408.814.192
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	49.596.839	49.596.839	(184.943.082)	(85.749.404)
Tăng quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	306.186.294	-	306.186.294
Chi Quỹ và chi khác	-	-	-	-	(67.790.000)	(133.264.000)	(201.054.000)
Số dư cuối kỳ	187.110.000.000	9.772.359.500	(22.095.490.500)	875.146.852	358.532.185	75.735.050.813	251.755.598.850

Ghi chú:

(i) Trong kỳ Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 06/06/2020 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích lợi nhuận phải trả của cổ đông thiểu số	36.152.565
Quỹ khen thưởng phúc lợi	49.596.839
Quỹ đầu tư phát triển	49.596.839
Quỹ phát triển thị trường (Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu)	49.596.839
	184.943.082

Số cổ tức Công ty đã trả trong kỳ là 0 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.982.924	1.982.924
+ Cổ phiếu phổ thông	1.982.924	1.982.924
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.728.076	16.728.076
+ Cổ phiếu phổ thông	16.728.076	16.728.076
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	10.000	10.000

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	167.280.760.000	167.280.760.000
Cổ phiếu quỹ	19.829.240.000	19.829.240.000

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2020</u>	<u>Từ ngày 01/01/2019</u>
	<u>đến ngày 30/06/2020</u>	<u>đến ngày 30/06/2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.030.672.434	10.049.346.477
Doanh thu bãi	7.276.998.599	6.812.174.247
Doanh thu cước vận tải biển (trung gian)	4.636.296.906	2.305.267.001
Doanh thu vận tải và cho thuê xe	1.071.207.272	877.389.120
Doanh thu thương mại	45.912.612	49.774.639
Doanh thu dịch vụ khác	257.045	4.741.470
Trong đó: doanh thu với các bên liên quan	423.388.131	1.210.848.142
(chi tiết tại Thuyết minh số 25)		

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2020</u>	<u>Từ ngày 01/01/2019</u>
	<u>đến ngày 30/06/2020</u>	<u>đến ngày 30/06/2019</u>
	VND	VND
Giá vốn bãi	6.554.970.457	6.463.836.335
Giá vốn cước vận tải biển (trung gian)	3.293.547.871	1.741.304.729
Giá vốn vận tải và cho thuê xe	764.175.451	591.146.612
Giá vốn dịch vụ khác	-	2.217.128
Cộng	10.612.693.779	8.798.504.804

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020</u>	<u>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.218.648.998	1.059.888.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.815.156	289.629.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.561.005.719	9.419.076.316
Chi phí khác bằng tiền	118.971.600	109.479.700
Cộng	12.990.441.473	10.878.073.094

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020</u>	<u>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019</u>
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	6.585.553.188	7.420.922.059
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.151.462.868	1.826.556.718
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.637.298	685.573
Cộng	8.739.653.354	9.248.164.350

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020</u>	<u>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	16.555.556
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.098.715	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con	(87.843.843)	(184.628.598)
Cộng	(84.745.128)	(168.073.042)

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020</u>	<u>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.229.407.600	1.059.888.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.815.156	29.371.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	866.252.423	880.828.884
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	187.272.515	106.479.700
Cộng	2.377.747.694	2.079.568.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.864.629.443	8.573.485.600
Điều chỉnh tăng/(giảm) thu nhập chịu thuế (i)	(6.585.553.188)	(7.406.896.884)
+Cổ tức lợi nhuận được chia	(6.585.553.188)	(7.420.922.059)
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	-	14.025.175
Thu nhập chịu thuế	2.279.076.255	1.166.588.716
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	455.815.251	233.317.743
Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN theo biên bản thanh tra thuế	-	26.806.462
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm	455.815.251	260.124.205

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực Miền Bắc, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ bãi và dịch vụ cước biển, vận chuyển. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Quản lý rủi ro vốn (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(12.591.944.701)	(11.162.131.062)
Vốn chủ sở hữu	251.755.598.850	243.327.401.768
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.591.944.701	11.162.131.062	12.591.944.701	11.162.131.062
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.718.658.357	32.751.081.048	29.718.658.357	32.751.081.048
Đầu tư tài chính dài hạn	164.508.205.083	161.310.361.240	164.508.205.083	161.310.361.240
Các khoản ký quỹ	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	206.823.808.141	205.228.573.350	206.823.808.141	205.228.573.350
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.075.165.131	6.881.716.801	3.075.165.131	6.881.716.801
Chi phí phải trả	413.974.200	827.652.600	413.974.200	827.652.600
Tổng cộng	3.489.139.331	7.709.369.401	3.489.139.331	7.709.369.401

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo giá gốc và dự phòng. Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.591.944.701	-	12.591.944.701
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.203.658.357	11.515.000.000	29.718.658.357
Đầu tư tài chính dài hạn	-	164.508.205.083	164.508.205.083
Các khoản ký quỹ	-	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	30.795.603.058	176.028.205.083	206.823.808.141
Tại ngày cuối kỳ			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.072.165.131	3.000.000	3.075.165.131
Chi phí phải trả	413.974.200	-	413.974.200
Tổng cộng	3.486.139.331	3.000.000	3.489.139.331
Chênh lệch thanh khoản thuần	27.309.463.727	176.025.205.083	203.334.668.810
Tại ngày đầu kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.162.131.062	-	11.162.131.062
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.546.081.048	15.205.000.000	32.751.081.048
Đầu tư tài chính dài hạn	-	161.310.361.240	161.310.361.240
Các khoản ký quỹ	-	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	73.708.212.110	176.520.361.240	250.228.573.350
Tại ngày đầu kỳ			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	6.878.716.801	3.000.000	6.881.716.801
Chi phí phải trả	827.652.600	-	827.652.600
Tổng cộng	7.706.369.401	3.000.000	7.709.369.401
Chênh lệch thanh khoản thuần	66.001.842.709	176.517.361.240	242.519.203.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

25. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Như đã đề cập tại Thuyết minh số 6; 7; 9; 12; 14: Chi tiết số dư với các bên liên quan của Công ty cụ thể như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	90.174.262	186.280.267
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	66.000.000	165.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	18.611.740	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	5.562.522	21.280.267
Phải thu khác	12.996.398.310	13.570.725.518
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>7.619.513.425</i>	<i>1.878.895.780</i>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	15.945.206	16.416.438
Công ty TNHH Container Minh Thành	70.608.219	154.575.342
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	7.532.960.000	1.707.904.000
<i>Các khoản phải thu lợi nhuận</i>	<i>5.376.884.885</i>	<i>11.691.829.738</i>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.739.538.525	3.616.092.055
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.388.899.233	6.130.412.592
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	958.621.965	1.911.436.125
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	289.825.162	33.888.966
Phải thu về cho vay dài hạn	11.500.000.000	15.200.000.000
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.800.000.000	5.300.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	6.700.000.000	9.900.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	1.187.897.206	1.551.462.583
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	11.440.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.103.636.706	1.537.250.583
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	500.500	2.772.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	83.760.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	600.000.000	3.810.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	600.000.000	810.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

25. BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Ngoài giao dịch với bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 14 và Thuyết minh số 16, Công ty còn giao dịch trọng yếu sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2020</u> <u>đến ngày 30/06/2020</u>	<u>Từ ngày 01/01/2019</u> <u>đến ngày 30/06/2019</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	4.377.234.704	3.806.920.003
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	2.450.000	48.229.046
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3.776.180.159	3.691.718.230
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	48.954.545	66.972.727
Công ty TNHH Container Minh Thành	549.650.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính	683.585.390	1.622.031.704
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	240.181.640	441.009.121
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	20.788.595	98.735.590
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	224.705.377	196.022.560
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	24.700.256	565.219.581
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	17.242.400	1.028.413
Công ty TNHH Container Minh Thành	155.967.122	320.016.439
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.585.553.188	7.420.922.059
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.650.786.559	1.586.190.682
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	275.038.165	629.950.274
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	614.166.155	286.364.573
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4.045.562.309	4.918.416.530
Chi phí lãi vay	-	16.555.556
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	16.555.556

Thu nhập, thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2020</u> <u>đến ngày 30/06/2020</u>	<u>Từ ngày 01/01/2019</u> <u>đến ngày 30/06/2019</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	716.708.876	805.816.300

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét. Số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

		
Nguyễn Thu Thủy Người lập biểu Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2020	Nguyễn Thu Thủy Kế toán trưởng	Phan Thanh Bình Tổng Giám đốc